VN-Index giằng co, tâm lý thận trọng vẫn chi phối

Thứ Năm, Ngày 5 Tháng 11 Năm 2026 · BSC Research

VN-INDEX	VN30	HNX-INDEX	UPCOM-INDEX
1,740.73	1,865.23	256.61	122.48
▲ +7.71 (+0.44%)	▲ +3.16 (+0.17%)	▼ -1.27 (-0.49%)	▼ -0.13 (-0.11%)
GTKL (TỶ): 13,911	GTKL (TỶ): 6,940	GTKL (TỶ): 900	GTKL (TỶ): 336
SO TB20: +10.7%	SO TB20: -2.9%	SO TB20: +28.8%	SO TB20: -26.5%
NN (TỶ): -171.5	NN (TỶ): -347.0	NN (TỶ): -65.4	NN (TỶ): +11.5

Nhận định thị trường

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giằng co trong vùng 1,736 – 1,754 trong phiên hôm nay và đóng cửa tại 1,740.73 điểm, tăng gần 8 điểm so với phiên trước. Độ rộng thị trường tương đối cân bằng với 11/18 ngành tăng điểm, trong đó Truyền thông tăng gần 3%, theo sau là Ô tô & phụ tùng và Du lịch & giải trí. Ở chiều ngược lại, ngành Công nghệ thông tin giảm trên 1%. Về giao dịch của khối ngoại, nhà đầu tư nước ngoài bán ròng trên HSX và HNX, trong khi mua ròng trên UPCOM. Cây nến với bóng nến dài cho thấy đà hồi phục đã phần nào chững lại chỉ sau một phiên tăng, phản ánh tâm lý thị trường vẫn khá thận trọng. Trong những phiên tới, VN-Index cần lấp hoàn toàn gap tại vùng 1,738 – 1,747 để củng cố nhịp hồi phục và gia tăng khả năng hướng lên vùng 1,775 điểm.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL VN30 tăng cùng chiều vận động của chỉ số VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 05/11/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn

- VN-Index **+7.71** điểm, đóng cửa tại 1,740.73 điểm. HNX-Index **-1.27** điểm, đóng cửa tại 256.61 điểm. UPCoM-Index **-0.13** điểm, đóng cửa tại 122.48 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VIC (**+6.54**), CTG (**+0.90**), STB (**+0.60**), VPL (**+0.55**), MBB (**+0.53**).
- Kéo chỉ số giảm: VCB (**-1.02**), VPB (**-0.51**), GAS (**-0.49**), FPT (**-0.38**), HPG (**-0.35**).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 13,911 tỷ đồng, giảm 9.14% so với phiên trước và cao hơn 10.7% so với trung bình 20 phiên. Tổng giá trị giao dịch đạt 15,915 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 19.5 điểm. Sàn HOSE có 163 mã tăng (3 mã trần), 100 mã tham chiếu, 139 mã giảm (0 mã sàn).
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-171.47** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VCB (**-89.01** tỷ), VHM (**-75.74** tỷ), VPB (**-56.19** tỷ), MSN (**-49.74** tỷ), MSB (**-48.62** tỷ). Đây là phiên bán ròng thứ 10 liên tiếp; luỹ kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng **-123,169** tỷ đồng trên HOSE.
- Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-65.40** tỷ đồng và mua ròng trên sàn UPCoM với giá trị **+11.48** tỷ đồng.

Giao dịch khối ngoại

CẢ 3 SÀN

TOP MUA	TỶ VND	TOP BÁN	TỶ VND
VIX	452.23	VCB	-89.01
CTG	101.16	VHM	-75.74
VIC	54.02	VPB	-56.19
HVN	28.46	MSN	-49.74
MBB	27.73	MSB	-48.62

HOSE luỹ kế năm: **-123,169** tỷ 10 phiên bán ròng liên tiếp

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

	ĐIỂM	%D	%W
SPX	7,569	+0.36%	-1.99%
FTSE100	10,720	+0.77%	+0.24%
Eurostoxx	6,232	+1.27%	+1.03%
Shanghai	3,686	+2.16%	+0.13%
Nikkei	62,189	-1.42%	-1.71%

Nguồn: Yahoo Finance, BSC tổng hợp

Liên thị trường

	GIÁ TRỊ	%D	%W
Giá dầu Brent	95.68	+1.12%	-16.71%
Giá vàng	4,126	+1.60%	+2.59%
USD/VND	25,683	-0.15%	-0.52%
EUR/VND	28,853	-0.12%	-0.05%
JPY/VND	162	-0.09%	-0.91%
VN LS TPCP 10Y	4.46%	0 bps	-0.2 bps
VN LS LNH 1M	5.62%	+6.7 bps	+39.2 bps

Nguồn: Bloomberg, BSC tổng hợp. Lãi suất: thay đổi theo điểm cơ bản.

Mở tài khoản tại BSC

Quét mã QR để mở tài khoản chứng khoán trực tuyến.

Mục lục

Tổng quan 1
Thống kê thị trường 2
Biểu đồ & dòng tiền 3
Danh mục BSC30 4
Danh mục BSC50 5
Báo cáo gần đây 6
Khuyến cáo sử dụng 7

Thống kê thị trường

Top 5 tác động tăng VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VIC	238.00	+1.71%	+6.54	1.62
CTG	31.60	+1.77%	+0.90	18.78
STB	69.20	+2.22%	+0.60	4.43
VPL	92.00	+1.55%	+0.55	0.75
MBB	19.50	+1.30%	+0.53	13.36

Top 5 tác động giảm VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VCB	54.20	-1.09%	-1.02	5.62
VPB	21.90	-1.13%	-0.51	15.54
GAS	74.60	-1.32%	-0.49	1.16
FPT	52.90	-1.86%	-0.38	10.43
HPG	21.50	-0.92%	-0.35	18.68

Top 5 tác động tăng HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
KSV	104.00	+1.96%	+0.35	0.03
VIF	16.20	+7.28%	+0.24	0.04
CEO	12.10	+1.68%	+0.07	14.34
SHS	13.30	+0.76%	+0.05	17.68
SAF	62.10	+9.91%	+0.04	0.00

Top 5 tác động giảm HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
KSF	68.70	-1.58%	-0.56	0.55
THD	91.00	-1.09%	-0.22	0.00
PVS	29.70	-1.98%	-0.21	3.27
BAB	10.40	-0.95%	-0.07	0.00
NTP	54.50	-1.09%	-0.07	0.20

Top 5 tác động tăng VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VIC	238.00	+1.71%	+3.89	1.62
STB	69.20	+2.22%	+2.08	4.43
MWG	75.00	+0.67%	+0.98	4.11
HDB	22.45	+1.13%	+0.77	20.72
MBB	19.50	+1.30%	+0.77	13.36

Top 5 tác động giảm VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
FPT	52.90	-1.86%	-2.51	10.43
HPG	21.50	-0.92%	-1.77	18.68
MSN	71.60	-0.97%	-1.06	4.53
VPB	21.90	-1.13%	-0.82	15.54
VCB	54.20	-1.09%	-0.41	5.62

Top 5 tăng mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
SMA	8.57	+6.99%	0.00
PGI	22.25	+6.97%	0.01
PIT	7.72	+6.93%	0.00
TAL	22.80	+6.79%	0.37
S4A	32.00	+6.67%	0.00

Top 5 giảm mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
FDC	22.55	-6.82%	0.00
NO1	2.90	-6.75%	0.06
LAF	17.70	-6.35%	0.00
TMS	31.80	-6.06%	0.00
PGC	13.85	-5.46%	0.03

Top 5 tăng mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
DNC	40.70	+10.00%	0.00
PPP	22.00	+10.00%	0.01
CAR	117.40	+9.93%	0.02
SAF	62.10	+9.91%	0.00
NAP	10.00	+9.89%	0.00

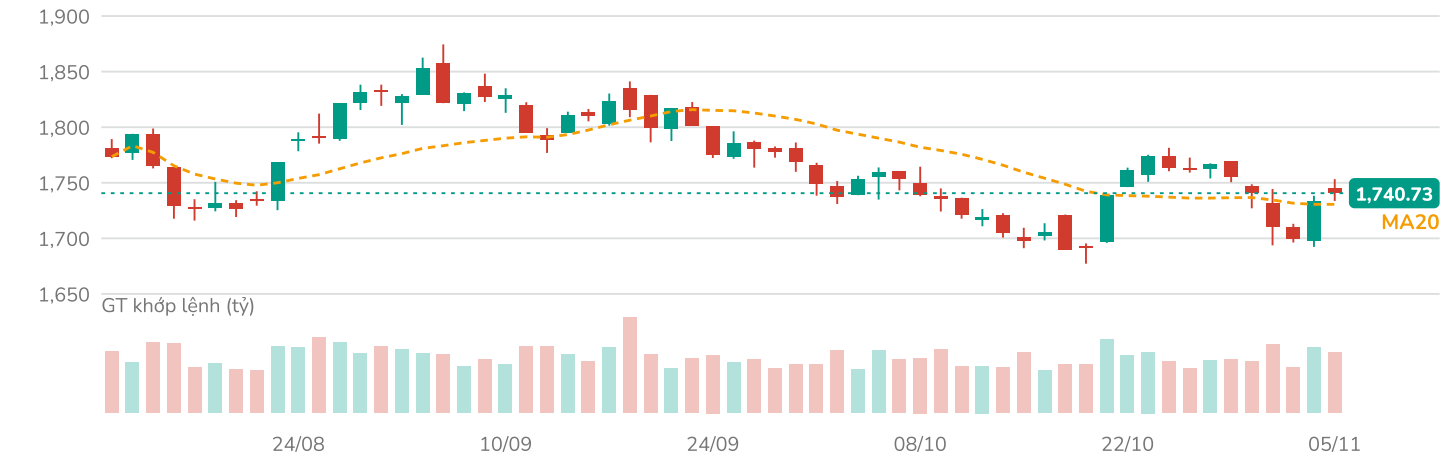
Top 5 giảm mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
BPC	10.80	-10.00%	0.00
PGN	5.50	-9.84%	0.05
INC	10.30	-9.65%	0.00
DST	5.40	-8.47%	0.59
SHE	6.00	-7.69%	0.01

Nguồn: FiinPro-X, Bloomberg, BSC tổng hợp; điểm đóng góp theo Bloomberg (MOV). Giá: nghìn VND.
Top tăng/giảm mạnh nhất chỉ xét các mã có giao dịch trong phiên.
Index pt: số điểm mà từng cổ phiếu đóng góp vào mức tăng/giảm của chỉ số trong phiên (dương là kéo chỉ số tăng, âm là kéo giảm).

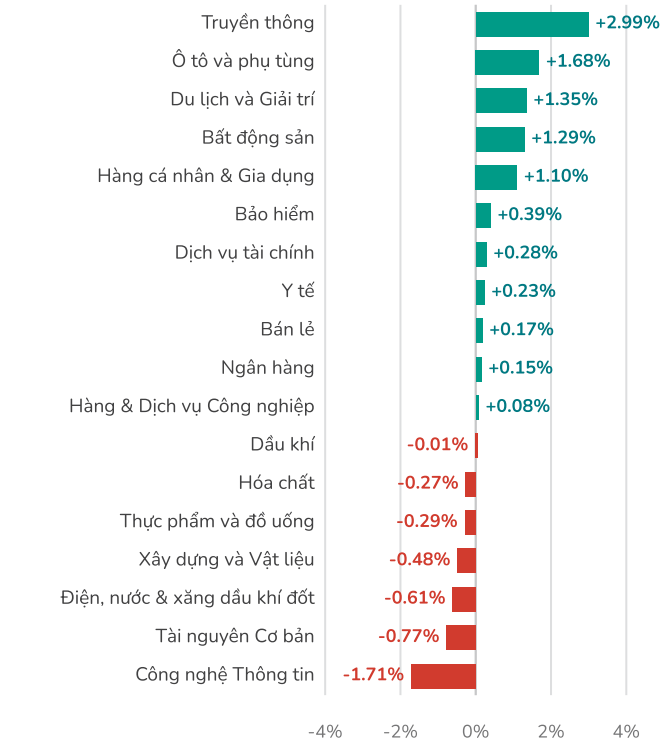
Biểu đồ & dòng tiền

VN-Index 60 phiên



MA20 = 1,730.66 TB20 GT khớp lệnh: 12,561 tỷ

Diễn biến ngành cấp 2



Dòng tiền theo ngành & nhóm vốn hoá

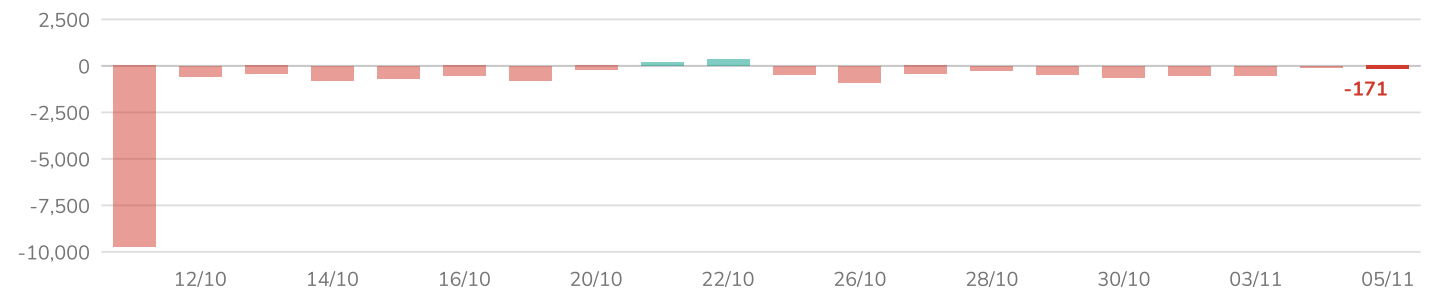
Bảng 1 · Theo ngành Top 10 theo giá trị khối ngoại ròng · tỷ VND

NGÀNH	%1D	GTGD	NN RÒNG
Dịch vụ tài chính	+0.28%	3,363	415.3
Hóa chất	-0.27%	179	-18.4
Xây dựng và Vật liệu	-0.48%	538	-29.3
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.61%	250	-35.2
Hàng cá nhân & Gia dụng	+1.10%	203	-36.8
Bất động sản	+1.29%	2,308	-37.4
Công nghệ Thông tin	-1.71%	583	-48.3
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	+0.08%	941	-80.9
Thực phẩm và đồ uống	-0.29%	877	-114.0
Ngân hàng	+0.15%	4,506	-211.7

Bảng 2 · Theo nhóm vốn hoá VN30 · VNMID · VNSML · tỷ VND

NHÓM VỐN HOÁ	%1D	GTGD	NN RÒNG
VN30	+0.17%	8,130	-347.0
VNMID	+0.46%	6,568	124.1
VNSML	+0.14%	837	-41.3

Khối ngoại ròng HOSE 20 phiên (tỷ VND)



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Danh mục BSC30

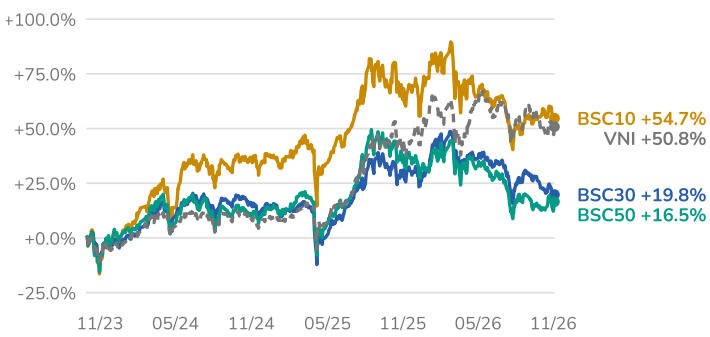
Diễn biến BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.06%**. Các mã diễn biến tích cực: KDH (+3.99%), STB (+2.22%), CTG (+1.77%).
- BSC50 **+0.39%**. Các mã diễn biến tích cực: HDC (+3.17%), SIP (+3.06%), DPG (+2.81%).

HIỆU SUẤT	BSC30	BSC50	VN-INDEX	VN30
1 ngày	-0.06%	+0.39%	+0.44%	+0.17%
1 tuần	-0.22%	+0.25%	-0.85%	-0.64%
1 tháng	+1.05%	+1.59%	+0.10%	-0.63%
3 tháng	-0.25%	-0.73%	-1.36%	-1.97%

Nguồn: BSC, FiinPro-X.

Hiệu suất tích luỹ



Nguồn: BSC, FiinPro-X.

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	GIÁ MT	NN SH	BC
MWG	Bán lẻ	75.0	+0.67%	1.1	110,677	309.8	7,556	9.9	113.0	49.0%	Link
KBC	Bất động sản	27.1	+0.37%	1.0	25,569	39.5	1,859	14.6	42.4	6.1%	Link
KDH	Bất động sản	14.3	+3.99%	1.0	17,870	116.7	1,374	10.4	39.9	22.9%	Link
PDR	Bất động sản	11.6	+0.43%	1.0	11,525	72.8	540	21.4	28.2	6.9%	Link
VHM	Bất động sản	63.3	+0.16%	1.8	519,998	462.2	12,039	5.3	132.6	6.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	52.9	-1.86%	0.7	99,755	565.1	5,479	9.7	124.4	26.7%	Link
BSR	Dầu khí	26.5	0.00%	–	132,693	248.1	5,584	4.8	–	1.5%	Link
PVS	Dầu khí	29.7	-1.98%	0.9	18,227	97.3	3,417	8.7	52.3	15.2%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	24.0	-1.03%	0.9	32,927	90.9	1,064	22.6	–	34.3%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	20.4	0.00%	1.1	61,227	709.2	1,554	13.1	–	29.8%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	20.1	-0.99%	0.9	23,102	264.4	1,249	16.1	–	14.6%	Link
DCM	Hóa chất	32.4	-1.82%	0.9	17,153	43.4	5,132	6.3	53.3	7.3%	Link
DGC	Hóa chất	33.4	-0.15%	0.9	12,685	12.6	4,883	6.8	96.7	2.6%	Link
ACB	Ngân hàng	20.6	+0.24%	0.6	119,281	192.4	2,773	7.4	27.1	22.1%	Link
BID	Ngân hàng	32.2	-0.62%	1.0	250,848	143.9	4,524	7.1	–	17.3%	Link
CTG	Ngân hàng	31.6	+1.77%	0.9	245,435	591.0	5,479	5.8	53.5	24.5%	Link
HDB	Ngân hàng	22.4	+1.13%	1.0	146,079	459.9	2,932	7.7	32.7	19.3%	Link
MBB	Ngân hàng	19.5	+1.30%	0.9	196,341	259.6	3,507	5.6	32.4	22.1%	Link
MSB	Ngân hàng	16.4	0.00%	0.7	61,589	129.0	1,673	9.8	14.0	6.2%	Link
STB	Ngân hàng	69.2	+2.22%	0.5	130,457	306.3	809	85.5	–	10.2%	Link
TCB	Ngân hàng	21.9	+0.46%	1.0	233,314	284.4	2,694	8.2	43.5	20.7%	Link
TPB	Ngân hàng	12.8	+0.39%	0.9	40,834	296.4	2,649	4.8	–	21.7%	Link
VCB	Ngân hàng	54.2	-1.09%	0.7	452,878	306.9	4,986	10.9	–	19.8%	Link
VIB	Ngân hàng	14.1	-1.05%	0.7	52,669	71.2	2,071	6.8	23.0	4.1%	Link
VPB	Ngân hàng	21.9	-1.13%	1.0	219,000	343.5	3,118	7.0	36.5	22.2%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	15.6	-0.95%	0.7	6,724	44.5	2,348	6.7	28.8	1.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	71.6	-0.97%	0.9	104,563	325.1	6,243	11.5	100.4	25.1%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	57.5	+0.17%	0.5	120,172	153.9	5,455	10.5	78.0	49.6%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	21.5	-0.92%	0.8	181,524	403.7	3,251	6.6	32.2	21.9%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	11.1	-0.45%	0.8	8,920	54.9	772	14.3	14.3	3.3%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 30 mã.

Danh mục BSC30 gồm 30 công ty có vốn hoá và thanh khoản lớn nhất trên HOSE, HNX và UPCoM, được các chuyên gia BSC chọn lọc theo tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt. Danh mục được BSC công bố định kỳ hàng quý.

Danh mục BSC50

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	NN SH	ROE	BC
DGW	Bán lẻ	39.5	-1.00%	1.0	8,812	71.6	4,269	9.2	28.6%	26.7%	Link
FRT	Bán lẻ	143.0	-0.69%	0.8	25,571	25.5	7,598	18.8	33.7%	29.1%	Link
BVH	Bảo hiểm	63.8	0.00%	0.9	47,360	71.1	4,560	14.0	27.4%	13.3%	Link
DIG	Bất động sản	10.2	+2.50%	0.9	8,653	119.5	776	13.2	2.7%	6.3%	Link
DXG	Bất động sản	10.8	+1.90%	0.9	13,632	159.4	92	117.3	14.9%	0.8%	Link
HDC	Bất động sản	13.0	+3.17%	0.9	2,986	93.1	690	18.9	1.6%	6.6%	Link
IDC	Bất động sản	35.3	0.00%	0.9	14,736	21.9	4,365	8.1	15.1%	26.8%	Link
NLG	Bất động sản	22.3	+1.36%	0.9	10,818	47.8	1,026	21.7	35.3%	3.8%	Link
SIP	Bất động sản	50.5	+3.06%	0.9	12,227	14.1	5,778	8.7	2.2%	27.1%	Link
SZC	Bất động sản	20.8	+0.97%	1.0	3,735	28.4	891	23.3	1.4%	5.1%	Link
TCH	Bất động sản	13.0	+1.96%	1.0	13,043	170.5	793	16.4	9.7%	6.8%	Link
VIC	Bất động sản	238.0	+1.71%	1.6	1,847,400	382.9	5,557	42.8	3.0%	26.1%	Link
VRE	Bất động sản	24.2	0.00%	1.6	54,990	96.7	3,255	7.4	11.1%	14.9%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	18.0	-2.44%	0.9	4,192	4.4	1,687	10.7	35.6%	11.9%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	135.9	+1.12%	0.6	104,520	148.8	2,866	47.4	5.2%	8.5%	Link
PLX	Dầu khí	33.7	+0.60%	1.0	43,604	70.7	3,022	11.2	14.4%	14.6%	Link
PVD	Dầu khí	17.3	-1.70%	0.9	16,050	206.8	976	17.7	8.2%	5.3%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	19.5	-0.26%	1.0	7,428	29.3	1,054	18.5	24.7%	9.0%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	16.0	-0.62%	1.1	16,015	65.4	1,562	10.2	0.4%	12.3%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.7	0.00%	1.1	29,702	336.5	762	29.8	5.9%	5.2%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	52.6	+1.74%	0.8	34,155	139.4	4,184	12.6	38.0%	19.7%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	48.8	-0.10%	0.5	9,352	52.5	6,594	7.4	3.5%	25.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.6	-1.90%	0.8	10,649	89.8	2,977	6.9	16.2%	16.6%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	47.2	-0.11%	0.7	9,529	15.9	2,174	21.7	3.9%	18.0%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	15.2	+2.71%	1.0	7,753	173.1	3,302	4.6	26.5%	12.4%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	15.2	+1.34%	0.7	1,782	10.0	1,741	8.7	48.0%	8.4%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.3	0.00%	0.7	2,356	19.8	3,692	5.0	22.4%	23.6%	Link
DPM	Hóa chất	19.6	-0.76%	0.8	13,361	29.1	2,320	8.5	3.1%	13.8%	Link
GVR	Hóa chất	30.1	-0.17%	1.5	120,600	33.4	2,111	14.3	0.5%	14.1%	Link
EIB	Ngân hàng	16.4	-0.91%	1.0	30,549	107.2	103	159.8	0.8%	0.7%	Link
LPB	Ngân hàng	36.5	+0.41%	0.8	108,886	602.3	4,048	9.0	1.4%	26.0%	Link
NAB	Ngân hàng	12.7	0.00%	0.5	27,309	29.8	2,365	5.3	1.0%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	10.9	+2.34%	0.7	33,534	22.6	1,482	7.4	18.9%	12.8%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	17.6	+1.74%	1.0	4,673	21.7	2,961	5.9	1.8%	20.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	30.7	-0.81%	0.5	12,445	60.0	253	121.5	3.1%	2.2%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	42.1	-0.47%	0.5	54,060	17.6	3,623	11.6	58.8%	22.2%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	49.4	+0.30%	0.7	10,347	10.7	5,503	9.0	17.5%	12.8%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.5	0.00%	0.7	6,154	83.5	494	25.3	5.1%	3.2%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	137.9	+0.29%	0.2	11,289	10.2	15,292	9.0	81.9%	41.4%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	68.3	+0.44%	0.8	7,638	51.9	7,145	9.6	46.9%	8.3%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	67.1	-1.76%	0.8	8,596	10.2	5,223	12.8	5.4%	30.5%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	32.9	+2.81%	0.8	3,902	46.9	3,735	8.8	18.5%	15.0%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	9.6	-0.10%	0.8	5,515	28.2	1,241	7.7	10.2%	6.1%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	16.6	+2.15%	0.6	7,851	19.6	2,352	7.1	8.2%	16.6%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	15.5	-0.64%	0.6	10,822	49.7	1,607	9.7	2.1%	9.7%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	40.8	-1.57%	0.9	18,270	20.4	4,003	10.2	0.8%	20.6%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	74.6	-1.32%	1.0	180,006	86.7	6,110	12.2	2.1%	21.2%	Link
HDG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.4	+0.65%	0.9	6,267	30.6	1,999	7.7	15.7%	11.7%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.5	+0.40%	0.8	38,348	80.4	2,353	5.3	4.0%	17.9%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	46.0	+0.99%	0.4	28,708	19.8	4,420	10.4	49.0%	12.8%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 50 mã.

Danh sách các báo cáo BSC đã phát hành gần đây

STT	TÊN BÁO CÁO	PHÂN TÍCH VĨ MÔ	PHÂN TÍCH NGÀNH	LINK BÁO CÁO
1	BSC Navigator | 10.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Xem
2	BSC Navigator | T09.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Xem
3	BSC Navigator | T08.2026: Việt Nam nằm trong 3 cuộc điều tra Section 301 năm 2026	x		Xem
4	BSC Insight | Market Waves – Hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn Doanh nghiệp Nhà nước (Kỳ 4)	x		Xem
5	BSC Insight | Outlook H2/2026: Thích ứng nhanh chóng & Nắm bắt cơ hội	x		–
6	BSC Navigator | T07.2026: Cập nhật kỳ đánh giá phân loại thị trường của MSCI tháng 06/2026	x		Xem
7	BSC Navigator | T06.2026: Đánh giá tình hình nhập siêu 5T2026 của Việt Nam	x		Xem
8	BSC Navigator | T05.2026: Cập nhật thay đổi tài liệu FAQ v1.2 của FTSE	x		Xem
9	BSC Navigator | T04.2026: FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam	x		Xem
10	BSC Insight | FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng TTCK Việt Nam (Kỳ 4)	x		Xem
11	BSC Navigator | 2026: Cập nhật dự báo Vĩ mô – Thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang tại Trung Đông	x		Xem
12	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC Q2.2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
13	BSC Insight | Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Xem
14	BSC Navigator | T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Xem
15	BSC Navigator | T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Xem
16	BSC Navigator | 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Xem
17	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
18	BSC Navigator | T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Xem
19	BSC Navigator | T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Xem
20	BSC Navigator | T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Xem
21	BSC Insight | Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Xem
22	BSC Navigator | T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Xem
23	BSC Navigator | T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Xem
24	Equity 360 | Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Xem

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu - Quyền phụ trách
Buupq@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thị Cẩm Tú
Trưởng nhóm
Ngành - Doanh nghiệp
Tuntc@bsc.com.vn

Đặng Trung
Trưởng nhóm
Định lượng
Trungd@bsc.com.vn

NHÓM VĨ MÔ THỊ TRƯỜNG

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660 Khu vực miền Nam: (028) 38218 889 Website: http://www.bsc.com.vn